Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9030.33.40

Mã HS	9030.33.40
Mô tả hàng hóa	Máy hiện sóng, máy phân tích phổ và các dụng cụ và thiết bị khác để đo hoặc kiểm tra đại lượng điện, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.28; các thiết bị và dụng cụ đo hoặc phát hiện tia alpha, beta, gamma, tia X, bức xạ vũ trụ hoặc các bức xạ ion hóa khác / - Dụng cụ và thiết bị khác, để đo hoặc kiểm tra điện áp, dòng điện, điện trở hoặc công suất (trừ những dụng cụ và thiết bị để đo hoặc kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn): / - - Loại khác, không bao gồm thiết bị ghi: / - - - Dụng cụ đo điện trở khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	01/11/2026 22:13:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90303340/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18214
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18214
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18214
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17540
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17469
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17469
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17469
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17469
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17469
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17469
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17525
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17525
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17525
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17525

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17525
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17525
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17526
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17526
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17526
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17526
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17526
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17526
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17531
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17487
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17483
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17483
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17483
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17483
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17483
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17483
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17529
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17529
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17529
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17529
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17529
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17529
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17591
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17591
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17591
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17591

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17591
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17591
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17567
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17567
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17567
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17567
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17567
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17567
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17562
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17562
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17562
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17562
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17562
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17562
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17592
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17592
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17592
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17592
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17592
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17592
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17591
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17591
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17591
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17591
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17591
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17591

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17685
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17685
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17685
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17685
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17685
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17685
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17685
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17554
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17554
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17554
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17554
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17554
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17554
RCEP B	2022	2022	0	B!D17554
RCEP B	2023	2023	0	B!E17554
RCEP B	2024	2024	0	B!F17554
RCEP B	2025	2025	0	B!G17554
RCEP B	2026	2026	0	B!H17554
RCEP B	2027	2027	0	B!I17554
RCEP C	2022	2022	0	C!D17552
RCEP C	2023	2023	0	C!E17552
RCEP C	2024	2024	0	C!F17552
RCEP C	2025	2025	0	C!G17552
RCEP C	2026	2026	0	C!H17552
RCEP C	2027	2027	0	C!I17552
RCEP D	2022	2022	0	D!D17551

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17551
RCEP D	2024	2024	0	D!F17551
RCEP D	2025	2025	0	D!G17551
RCEP D	2026	2026	0	D!H17551
RCEP D	2027	2027	0	D!I17551
RCEP E	2022	2022	0	E!D17555
RCEP E	2023	2023	0	E!E17555
RCEP E	2024	2024	0	E!F17555
RCEP E	2025	2025	0	E!G17555
RCEP E	2026	2026	0	E!H17555
RCEP E	2027	2027	0	E!I17555
RCEP F	2022	2022	0	F!D17554
RCEP F	2023	2023	0	F!E17554
RCEP F	2024	2024	0	F!F17554
RCEP F	2025	2025	0	F!G17554
RCEP F	2026	2026	0	F!H17554
RCEP F	2027	2027	0	F!I17554
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16456
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16456
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16456
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16456

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9030.33 có 5 dòng thuế; dòng 9030.33.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dụng cụ đo điện trở khác.	9030.33.10 Dụng cụ và thiết bị để đo hoặc kiểm tra điện áp, dòng điện, điện trở hoặc công suất của tấm mạch in/tấm dây in hoặc mạch in đã lắp ráp; 9030.33.20 Dụng cụ và thiết bị đo trở kháng được thiết kế để cảnh báo dưới dạng hình ảnh và/hoặc dưới dạng âm thanh trong môi trường phóng tĩnh điện mà có thể làm hỏng mạch điện tử; dụng cụ kiểm tra thiết bị điều khiển tĩnh điện và thiết bị tĩnh điện nối đất/cố định; 9030.33.30 Ampe kế và vôn kế dùng cho xe có động cơ; 9030.33.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9030.33.40 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9030.33.40	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9030.33.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9030.33.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18214), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.